

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 02/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

2. Ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **67/2022/TLST-DS ngày 11/3/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-DS ngày 29/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-DS ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V**

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà Sailing Tower – 111 A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ: Bà **Trần Thị Thu H** – Chức vụ: GĐTTQLNNHBL. Số điện thoại: 0911366840

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà tham gia tố tụng:

- Ông **Lê Huy A**, chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Số điện thoại: 0911366840

- Ông **Trần Hoàng S**, chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Số điện thoại: 0946164738

- Ông **Đặng Bửu Đ**, chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Số điện thoại: 0834694402

* Bị đơn: Ông **Trần Tấn C**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 429D, ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0383900933.

(Đại diện nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V trình bày:

Ngày 28/5/2017, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V chi nhánh An Giang - PGD Thoại Sơn có cho ông Trần Tấn C vay số tiền là 120.000.000 đồng, hai bên có tiến hành ký kết 01 hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017. Nội dung cụ thể như sau: Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 30/8/2022; Số tiền vay ban đầu là: 120.000.000 đồng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17%/năm (01 năm có 360 ngày) và 17,24% (01 năm có 365 ngày) mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay trừ trường hợp thay đổi theo nội dung của hợp đồng. Số tiền trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi): 2.982.309 đồng. Ngày đến hạn trả tiền hàng tháng: ngày 30. Hoàn trả lãi hàng tháng: ngày 30. Trả phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày 07/01/2020 ông Trần Tấn C đã nhận đủ số tiền vay là 120.000.000 đồng.

Bên cạnh đó vào ngày 20/3/2018, ông Trần Tấn C có đề nghị Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V phát hành thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng. Qua xét duyệt, ngày 21/3/2018 Ngân hàng đồng ý phát hành thẻ cho ông C với hạn mức tính dụng là 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng VIB GOLD (kiêm hợp đồng), cụ thể như sau: Mục đích vay vốn: tiêu dùng thông qua phát hành thẻ tín dụng quốc tế không thế chấp tài sản; Lãi suất vay: Theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Thời gian đầu ông Trần Tấn C vẫn trả vốn lãi đầy đủ theo định kỳ hàng tháng, tuy nhiên từ ngày 30/8/2021 đến nay ông Trần Tấn C không trả được số tiền nào nữa. Quá trình thực hiện hợp đồng, do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của ông Trần Tấn C đã bị chuyển nợ quá hạn. Dư nợ gốc đối với Hợp đồng tín dụng 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 đến ngày 30/8/2021 là 91.156.522 đồng và dư nợ gốc nợ thẻ tín dụng là 26.045.362 đồng.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Trần Tấn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Trần Tấn C vẫn vi phạm các cam kết nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V yêu cầu bị đơn ông Trần Tấn C phải trả thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 02/6/2022 là 234.691.688 đồng (*hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 là 163.238.173 đồng, gồm: nợ gốc là 91.156.522 đồng; nợ lãi là 72.081.651 đồng (nợ lãi trong hạn: 65.528.774 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.552.877 đồng) và dư nợ Thẻ tín dụng là 71.453.515 đồng, gồm: nợ gốc là 26.045.362 đồng; nợ lãi là 45.408.153 đồng (nợ lãi trong hạn: 11.165.542 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.242.611 đồng). Yêu cầu ông Trần Tấn C phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày xét xử (02/6/2022) cho đến khi ông Trần Tấn C trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; các bị đơn vắng mặt không có lý do.

Bị đơn ông Trần Tấn C đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Trần Tấn C vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trần Tấn C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V tổng số tiền là tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 02/6/2022 là 234.691.688 đồng (*hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 là 163.238.173 đồng, gồm: nợ gốc là 91.156.522 đồng; nợ lãi là 72.081.651 đồng (nợ lãi trong hạn: 65.528.774 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.552.877 đồng) và dư nợ Thẻ tín dụng (Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018) là 71.453.515 đồng, gồm: nợ gốc là 26.045.362 đồng; nợ lãi là 45.408.153 đồng (nợ lãi trong hạn: 11.165.542 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.242.611 đồng). Buộc ông Trần Tấn C tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng kể từ ngày 03/6/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V khởi kiện yêu cầu ông Trần Tấn C phải trả nợ khoản vay tín chấp để tiêu dùng dựa trên Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế: Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Trần Tấn C là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung (Điều 117 Bộ luật dân sự) cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch; Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018 đối với chủ thẻ ông Trần Tấn C đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật. Ông Trần Tấn C cũng đã đồng ý ký tên vào bản các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng VIB GOLD. Như vậy Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018 có giá trị tương đương như hợp đồng tín dụng phát hành thẻ. Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V và ông Trần Tấn C là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nợ gốc:

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 30 của mỗi tháng, trả trong vòng 60 tháng, số tiền trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi): 2.982.309 đồng. Bên cạnh đó, ngày 21/3/2018 Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V đồng ý phát hành thẻ cho ông C với hạn mức tính dụng là 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng VIB

GOLD kiêm hợp đồng, căn cứ vào hạn mức ông C đề nghị theo Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng VIB GOLD, tạo điều kiện để ông C được sử dụng thẻ tín dụng. Đến ngày 31/8/2021 ông Trần Tấn C đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên 02 khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn; Tính đến ngày 31/8/2021 dư nợ gốc còn lại đối với Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 là 91.156.522 đồng và dư nợ gốc còn lại đối với khoản vay Thẻ tín dụng VIB GOLD là 26.045.362 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2.2.2] Về khoản nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 17%/năm (01 năm có 360 ngày) và 17,24% (01 năm có 365 ngày) mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay trừ trường hợp thay đổi theo nội dung của hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lịch trả lãi trùng với ngày trả nợ gốc. Do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/6/2022) thì tổng số tiền nợ lãi là nợ lãi là 72.081.651 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn: 65.528.774 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.552.877 đồng). Tại Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018 thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay theo quy định của VIB theo từng thời kỳ nên tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/6/2022) thì tổng số tiền nợ lãi thẻ tín dụng là 45.408.153 đồng (nợ lãi trong hạn: 11.165.542 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.242.611 đồng).

Xét hợp đồng tín dụng và Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đều được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi đến ngày 02/6/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) đối với Hợp đồng tín dụng 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 là 72.081.651 đồng và nợ lãi Thẻ tín dụng là nợ lãi là 45.408.153 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Tấn C phải thanh toán tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 02/6/2022 là 234.691.688 đồng (*hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 là 163.238.173 đồng, gồm: nợ gốc là 91.156.522 đồng; nợ lãi là 72.081.651 đồng (nợ lãi trong hạn: 65.528.774 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.552.877 đồng) và dư

nợ Thẻ tín dụng (Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018) là 71.453.515 đồng, gồm: nợ gốc là 26.045.362 đồng; nợ lãi là 45.408.153 đồng (nợ lãi trong hạn: 11.165.542 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.242.611 đồng).

[2.2.4] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/6/2022) cho đến khi ông Trần Tân C trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V: Buộc bị đơn ông Trần Tấn C phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 02/6/2022 là 234.691.688 đồng (*hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 là 163.238.173 đồng, gồm: nợ gốc là 91.156.522 đồng; nợ lãi là 72.081.651 đồng (nợ lãi trong hạn: 65.528.774 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.552.877 đồng) và dư nợ Thẻ tín dụng (Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018) là 71.453.515 đồng, gồm: nợ gốc là 26.045.362 đồng; nợ lãi là 45.408.153 đồng (nợ lãi trong hạn: 11.165.542 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.242.611 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (02/6/2022), ông Trần Tấn C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 0822/HDTCDP-VIB856/17 ngày 25/8/2017 và Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Đối với số tiền lãi của Hợp đồng tín dụng là 72.081.651 đồng và số tiền lãi của Thẻ tín dụng là 45.408.153 đồng thì kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Tấn C phải nộp 11.734.584 đồng (*mười một triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, năm trăm tám mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V không phải chịu án phí nên được nhận lại 5.150.599 đồng (*năm triệu, một trăm năm mươi ngàn, năm trăm chín mươi chín đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009006 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Cẩm Xuyên